

Số: /BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 9 năm 2024 đến ngày 15 tháng 10 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Thời tiết trong tháng chủ yếu ngày nắng nhẹ xen kẽ có mưa, một vài ngày mưa vừa đến mưa to, nhiệt độ trung bình 29-30⁰C, ẩm độ trung bình 80%; nhìn chung thời tiết khá thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng phát triển.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa: Thu hoạch xong

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Phát triển củ - thu hoạch	11.000
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Phát triển thân lá	2.164,6
<i>Cao su</i>	Khai thác	18.572,8
<i>Cà phê</i>	Phát triển quả	3.706,9

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/9/2024-15/10/2024

1. Trên cây lúa: Chuột, ốc bươu vàng... tồn tại trên lúa chết và cỏ dại.

2. Trên cây hồ tiêu: Một số đối tượng dịch hại diện tích nhiễm giảm nhẹ so với tháng trước, cụ thể: Tuyến trùng DTN 144 ha (giảm 30 ha so với tháng trước, giảm 51 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 61 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, giảm 92 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 82 ha (giảm 15 ha so với tháng trước, giảm 65 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 57 ha (giảm 8 ha so với tháng trước, giảm 34 ha so với cùng kỳ năm trước).

3. Trên cây cà phê (Hướng Hóa): Các đối tượng gây hại chủ yếu gồm: Rệp DTN 120 ha (giảm 20 ha so với tháng trước, tăng 30 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 1.270 ha (tăng 285 ha so với tháng trước, tăng 476 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 750 ha (tăng 110 ha so với tháng trước, giảm 92 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh rỉ sắt bắt đầu gây hại trở lại, DTN 185 ha.

4. Trên cây cao su: Các đối tượng dịch hại chủ yếu gồm: Bệnh xì mũ DTN 147 ha (tăng 8 ha so với tháng trước, tăng 32 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh

loét sọc mặt cạo DTN 189 ha (tăng 7 ha so với tháng trước, giảm 8 ha so với cùng kỳ năm trước).

5. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại ở tất cả các huyện thị, DTN tiếp tục giảm so với tháng trước do các vùng đang thu hoạch, DTN hiện nay 596 ha (giảm 345 ha so với tháng trước, tăng 523 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 53 ha.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/10/2024-15/11/2024

1.1. Trên cây lúa: Chuột, ốc bươu vàng... tiếp tục tồn tại trên đồng ruộng.

1.2. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết nhanh, chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch, vườn thoát nước kém.

1.3. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Bệnh thán thư, khô cành, rỉ sắt, nấm hồng... tiếp tục gây hại nhiều nơi, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

1.4. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại trên các vườn.

1.5. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus DTN giảm dần do thu hoạch.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới

2.1. Trên cây lúa: Tranh thủ những đợt mưa to tiến hành diệt chuột, ốc bươu vàng để hạn chế gây hại cho vụ tới.

2.2. Trên cây hồ tiêu: Đào rãnh thoát nước, không để đọng nước trong mùa mưa. Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

2.3. Trên cây cà phê: Xử lý thuốc để phòng trừ bệnh thán thư, rỉ sắt, nấm hồng.... ở những vườn bị hại nặng, chú ý đảm bảo thời gian cách ly của thuốc.

2.4. Trên cây cao su: Tăng cường kiểm tra vườn, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi.

2.5. Trên cây sắn: Những vùng bị nhiễm bệnh khảm lá sắn sau khi thu hoạch củ cần thực hiện tiêu hủy cây bị bệnh (thu gom cây bị bệnh và băm nát hoặc đốt), tuyệt đối không lấy thân cây sắn bị bệnh làm giống cho niên vụ sau. Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển thân, lá sắn trên địa bàn, nghiêm cấm việc vận chuyển thân lá sắn ra khỏi nơi nhiễm bệnh./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây Hồ tiêu (Phát triển thân lá)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	82	76	6	0	0	-15	-65	40	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	12	11	1	0	0	-4	-5	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	144	123	19	2	0	-30	-51	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	61	52	9	0	0	-10	-92	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		3	57	52	5	0	0	-8	-34	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
II	Cây cà phê (Phát triển quả)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	750	450	205	95	0	+110	-92	40	Hương Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	1.270	770	365	135	0	+285	+476	50	
3	Rệp	10-25	50		1-2	120	80	40	0	0	-20	+30	0	
4	Rỉ sắt					185	120	55	10	0	+185	+90	0	
III	Cây cao su (Khai thác)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2	189	159	3	0	0	+7	-8	130	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mũ	5-10	15		1-2	147	129	18	0	0	+8	+32	10	
IV	Cây sắn (Phát triển củ - thu hoạch)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70- 80		596	396	147	53	0	-345	+523	0	H. Lăng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đakrông, H. Hóa